

CÁC DI TÍCH CÔNG XƯỞNG Ở TÂY NGUYÊN TRONG HỆ THỐNG CÔNG XƯỞNG CHẾ TÁC RÌU ĐÁ Ở ĐÔNG NAM BỘ

Lê Xuân Hưng*

TÓM TẮT

Title: *Vestiges arsenals of the Central Highland in sytem Stone factory manipulate of Southeast Vietnam*

Từ khóa: Công xưởng chế tác đá Tây Nguyên

Keywords: *Stone factory manipulate in the Central Highland*

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 10/10/2016

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 18/10/2016

Ngày chấp nhận đăng bài: 31/10/2016

Tác giả:

TS., trường Đại học Đà Lạt

Email: hunglx@dlu.edu.vn

Công xưởng hay di chỉ cư trú - xưởng thời tiền sử là nơi chế tác ra một loại hình sản phẩm nào đó (công cụ đá, gốm, trang sức,...) phục vụ cho nhu cầu cuộc sống và trao đổi giữa các cộng đồng cư dân cổ. Đến nay, ở Tây Nguyên đã phát hiện và nghiên cứu được gần 170 di chỉ khảo cổ thời tiền sử. Đáng chú ý là các nhà khảo cổ học đã phát hiện và nghiên cứu 47 di tích công xưởng; trong đó 10 di tích được khai quật. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ trình bày ngắn gọn kết quả nghiên cứu một số di tích công xưởng tiêu biểu ở Tây Nguyên. Thông qua đó, chúng tôi so sánh một số điểm tương đồng và khác biệt về loại hình di tích, di vật đặc trưng giữa Tây Nguyên và Đông Nam Bộ thời tiền sử.

ABSTRACT

Factories or resident archaeological sites – prehistoric factories is the places where people created products (such as stone tools, ceramic objects, jewelries,...) to serve the requirements in life and to exchange among the antique ethnic groups. Up to now, in Central Highland area, about 170 objects archaeology in prehistoric age have been discovered and researched. Noticeably, archaeologists have discovered and researched on 47 factory vestiges, among which 10 vestiges have already been excavated. In this article, we just present shortly the findings of our researches on some typical factory vestiges in Central Highland. Based on that, we compare the similarities and the differences in kinds of vestiges, and specific relics of Central Highland and the Southeast Vietnam in prehistoric age.

Ở Tây Nguyên đã phát hiện và nghiên cứu gần 170 di tích hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí. Trong đó, một số di tích thuộc phạm trù của 3 văn hóa khảo cổ đã được xác lập, như: Biển Hồ, Lung Leng và Buôn Triết. Với việc phát hiện và nghiên cứu hàng loạt các di tích công xưởng, hình thành các trung tâm như: Trung tâm Ia Mơr - Làng Krông; Chư K'tur - Taipêr; trung tâm H'lang và trung tâm Thôn Bồn - Hoàn Kiếm một mặt gợi mở khả năng xác lập mới các văn hóa khảo cổ; mặt khác sản phẩm ở các công xưởng cũng cho chúng ta biết được cơ cấu kinh tế nguyên thủy, mối giao lưu trao đổi thông qua

sản phẩm giữa các công xưởng, công xưởng với các đơn vị cư trú và xa hơn nữa.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi điểm qua một số thành tựu nghiên cứu về các công xưởng tiêu biểu ở Tây Nguyên. So sánh một số đặc trưng di tích và di vật của công xưởng với các di tích đồng đại ở các di tích tiền sử ở Đông Nam Bộ.

1. Các di tích công xưởng chế tác đá tiêu biểu ở Tây Nguyên

Tây Nguyên đã phát hiện và nghiên cứu 47 di tích công xưởng chế tác công cụ đá, trong đó 10 di tích đã được khai quật. Để tiện cho

việc theo dõi tư liệu, bài viết sẽ trình bày kết quả nghiên cứu một số di tích tiêu biểu theo từng tỉnh như sau:

1.1. Các di tích công xưởng ở Gia Lai

- *Di tích Thôn Bảy* ở thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông; phát hiện năm 1994. Tại đây đã đào thám sát với diện tích 4m²; tổng số hiện vật có: 6 rìu có vai, 9 bàn mài, 111 mảnh tước; chất liệu chế tác là đá phtanite, silic và opal. Đồ gốm có 100 mảnh, gốm thô, bờ.

Vào các năm 1998 và 2000, Thôn Bảy tiếp tục được phúc tra, xác nhận có diện tích rộng khoảng 5.000-7.000m², tầng văn hoá dày, hiện vật phong phú (Bùi Văn Liêm & cs, 2002, tr.134-136). Tháng 1/2002, di tích được khai quật hai hố ở đất rẫy nhà ông Nguyễn Vinh Hiến. Tổng số hiện vật thu được là 17.785 di vật đá và đồ gốm. Trong đó H1 có 262 công cụ đá các loại, 1.872 mảnh tước/mảnh tách, 11.931 mảnh gốm; H2 có 33 công cụ đá các loại, 204 mảnh tước, mảnh tách và 3.483 gốm mảnh. Di tích Thôn Bảy là nơi cư trú - xưởng, đồng thời là nơi chôn cất người chết của cư dân tiền sử (Bùi Văn Liêm, 2004, tr.54-55).

- *Di tích Taipêr* ở làng Taipêr, xã Ia Ko, huyện Chư Sê; toạ độ là 13°37'30" vĩ Bắc và 107°58'45" kinh Đông, rộng khoảng 15.000m². Tháng 12/2002, Viện Khảo cổ học tiến hành khai quật, tổng diện tích là 125m². Hiện vật thu được trong hố khai quật có 46.195 đồ đá các loại, gồm: 90 phác vật công cụ rìu; 732 công cụ lao động; 33 hiện vật trang sức; 45.137 mảnh tước và 203 phiến tước. Đồ gốm có 12.058 mảnh; làm từ đất sét pha cát hạt nhỏ, có lẫn mảnh fenpat và bã thực vật; xương gốm có màu đỏm vàng hoặc xám đen. Độ nung gốm thấp, xương gốm mềm và thấm nước. Taipêr là di tích cư trú - xưởng và còn là nơi để mộ tang (Nguyễn Khắc Sử, Phan Thanh Toàn, 2007, tr.18-30).

- *Di tích Làng Ngol* ở địa phận xã Ia Grai, huyện Chư Sê; phạm vi phân bố rộng khoảng 2.000m². Làng Ngol được Viện Khảo cổ học phối kết hợp với Bảo tàng tỉnh Gia Lai khai quật năm 2003, gồm 2 hố có tổng diện tích là 74m². Hố 1

rộng 24m² ở phía bắc di tích và hố 2 rộng 50m² ở phía nam di tích (Bùi Văn Liêm & cs, 2004). Hiện vật đá thu được có gần 450 di vật trong hố khai quật và 40 hiện vật ngoài hố khai quật. Về loại hình có 42 rìu, bốn mài toàn thân; 11 phác vật rìu bốn, 4 mũi nhọn, 6 lưỡi cưa đá, 55 bàn mài, 6 hòn ghè, 1 chày, 5 công cụ mảnh tước, trên 300 mảnh tước và 20 phiến tước đều là đá opal. Đồ gốm có trên 2.000 mảnh, đều là gốm thô; nặn tay từ đất sét pha cát, mảnh thạch anh và bã thực vật.

- *Di tích Ia Mor* ở thôn Klăh, xã Ia Mor, huyện Chư Prông; toạ độ 13°29'446" vĩ Bắc và 107°44'558" kinh Đông, được phát hiện năm 2005; phạm vi phân bố rộng khoảng 2.700m² (Nguyễn Giác, 2007, tr.123-124). Năm 2008, Viện Khảo cổ học phối hợp với Bảo tàng Gia Lai mở 2 hố khai quật. Hố 1 ở khu B rộng 16m² (4 x 4 m); hố 2 mở tại khu A cũng có diện tích 16m² (Nguyễn Khắc Sử & cs, 2008). Hiện vật đá thu được là 4.463 tiêu bản. Trong đó: Hố 1 có 1.064 di vật. Nhóm hiện vật có dấu vết chế tác và sử dụng là 34 di vật, gồm: 11 phác vật công cụ (1 cuốc, 9 rìu vai xuôi, 1 bốn răng trâu); 3 công cụ mài toàn thân (2 rìu có vai, 1 mảnh rìu); 11 công cụ mảnh tước/phiến tước; 9 công cụ có vết sử dụng (6 bàn mài, 1 chày, 1 hòn ghè; 1 bàn nghiền). Nhóm phế liệu có 1.030 tiêu di vật: 1 hạch, 13 nguyên liệu, 953 mảnh tước, 63 phiến tước. Đồ gốm có 8 mảnh, phần lớn các mảnh gốm đã bị vỡ nát, nên không phân loại, khảo tả về loại hình hiện vật này. Hố 2 có 3.399 đồ đá các loại, trong đó có: 8 phác vật rìu, bốn (6 rìu có vai, 1 bốn, 1 phác vật dạng sơ chế); 3 rìu, bốn mài toàn thân (1 rìu vai xuôi, 1 bốn, 1 cuốc); 3 công cụ mảnh tước; 9 bàn mài; 8 đá nguyên liệu; 58 phiến tước và 3.310 mảnh tước. Đồ gốm có 92 mảnh, gốm bị vỡ nát nên không thể phân loại và khảo tả.

1.2. Các di tích công xưởng ở Đắk Lắk

- *Di tích Chư K'tur* ở buôn Sê Đăng, xã Xuân Phú, huyện Ea Kar; toạ độ là 12°55' vĩ Bắc, 108°30' kinh Đông; phạm vi phân bố rộng hơn 10.000m². Cuối năm 2002, di tích Chư K'tur được khai quật hai hố với tổng diện tích là

150m². Hiện vật đá thu được có: 87 rìu bôn (56 chiếc nguyên và 31 chiếc bị vỡ); 107 phác vật, hầu hết là đá opal, có 1 tiêu bản bằng đá silex (73 phác vật rìu bôn và 34 phác vật sơ chế); 12 hạch đá, đều là đá opal, có kích thước vừa và nhỏ; 6.100 mảnh tước, phiến tước (5.761 mảnh là đá opal, 127 mảnh thạch anh 121 mảnh sa thạch, phiến sét bột kết, 93 mảnh phtanite); 63 bàn mài (61 chiếc là sa thạch, 2 chiếc gỗ hoá thạch) (Nguyễn Gia Đối, Lê Hải Đăng 2007b).

- *Di tích Buôn Kiều* ở địa phận Buôn Kiều, xã Yang Mao, huyện Krông Bông; tọa độ: 12° 25'161" vĩ độ Bắc, 108° 33'578" kinh Đông. Di tích được phát hiện năm 2004 phúc tra vào các năm 2013 và 2014. Đến năm 2015, Buôn Kiều được Bảo tàng Lịch sử Quốc gia khai quật với 2 hố, tổng diện tích là 67m² (Nguyễn Mạnh Thắng &cs, 2015). Hiện vật thu được có 498 tiêu bản đồ đá, trong đó gồm: Nhóm công cụ sản xuất có 32 hiện vật (công cụ hình bầu dục, công cụ rìu dọc, công cụ mũi nhọn, công cụ hình đĩa, công cụ hình hạnh nhân, nạo, chặt, rìu, đục). Nhóm gia công chế tác có 21 hiện vật (chày nghiền, hòn nghiền, hòn ghè, hòn đập, bàn mài, bàn/hòn kê); 28 phác vật; 183 mảnh tước; 144 đá nguyên liệu; 5 tiêu bản đá thạch anh. Hố 2 thu được 4.096 tiêu bản đồ đá, trong đó có: 37 công cụ sản xuất (công cụ hình bầu dục, công cụ rìu dọc, công cụ mũi nhọn, công cụ 2 rìu lưỡi, công cụ hình hạnh nhân, rìu, rìu ngắn, rìu hình bầu dục, rìu hình thang, cuốc, dao, nạo, chặt); 29 hiện vật gia công chế tác (hòn nghiền, hòn ghè, hạch đá); 235 mảnh vỡ công cụ; 3.513 mảnh tước, chất liệu đá silic chiếm đa số, ít đá basalt, quartzite và chất liệu khác; 182 đá nguyên liệu, 71 mẫu đá thạch anh.

1.3. Các di tích công xưởng ở Đắk Nông

- *Di tích Thôn Tám* ở xã Đắk Wil, huyện Cư Jút; rộng gần 20.000m²; phát hiện năm 2005 và được gọi là Thôn Tám A (Nguyễn Gia Đối, Lê Hải Đăng, 2007a). Ngoài Thôn Tám A, đoàn khảo sát còn phát hiện thêm một địa điểm khác cũng trong địa phận Thôn Tám và cách di tích Thôn Tám khoảng 700m về phía Tây Nam, được gọi là Thôn Tám B (Lê Hải Đăng, Nguyễn

Gia Đối, 2008, tr.18-29). Từ năm 2005 đến nay còn có những nghiên cứu và phát hiện mới; đáng chú ý là phát hiện thêm địa điểm Thôn Tám C. Năm 2006, di tích Thôn Tám được Viện Khảo cổ học và Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Đắk Nông khai quật lần thứ nhất (Nguyễn Gia Đối, Lê Hải Đăng, 2007a) và lần thứ hai vào năm 2013 (Lê Hải Đăng, 2013):

Kết quả khai quật lần thứ nhất năm 2006: Hố khai quật có diện tích 52m²; tọa độ là 12°42'520" vĩ Bắc và 107°48'433" kinh Đông. Hiện vật thu được có trên 7.400 di vật, gồm: Nhóm công cụ lao động có 6 rìu mài lưỡi, 27 hòn ghè, 11 hòn kê, 17 bàn mài, 1 mũi nhọn, 1 bàn đập. Nhóm phác vật công cụ đá có: 7 hình bầu dục ngắn, 31 hình bầu dục dài, 4 phác vật chưa rõ hình và 15 mảnh phác vật. Nhóm phế liệu gồm 7.254 mảnh tước (trong đó 5.970 đá silic; 709 đá basalt, 262 đá opal, 91 đá chert). Ngoài ra ở đây còn thu được 6 cục đá (mặt âm sò biển), có tuổi Triat thượng. Đồ gốm có 426 mảnh và 77 cục thổ hoàng có vết mài.

Kết quả khai quật lần thứ 2 năm 2013: Hố khai quật có diện tích 37,5m², chiều bắc - nam là 25m, chiều đông - tây là 1,5m và có hướng lệch bắc 15°; tọa độ là 12°42'520" vĩ Bắc và 107°48'433" kinh Đông. Hiện vật đá thu được có: 227 di vật có vết gia công và xử dụng, gồm: 16 rìu mài lưỡi, 85 công cụ gia công chế tác đồ đá, 107 phác vật, 15 công cụ ghè dẽo, 12 công cụ mảnh tước; 8.254 mảnh tước, 6 mảnh động vật biến hoá thạch. Đồ gốm rất ít, chỉ thu được 42 mảnh gốm; chất liệu thô, bở, gốm mỏng; xương gốm màu nâu nhạt, pha nhiều cát.

Kết quả hai lần khai quật giống nhau, đây là di tích cư trú - xưởng chế tác công cụ đá, chất liệu chính là đá silic. Nguyên liệu chế tác đá ở công xưởng Thôn Tám có thể từ địa điểm Thôn Bảy hay Đắk Rít gần đó. Nơi đây tiếp tục hoàn thiện phác vật, khâu hoàn thiện cuối cùng là ở một di tích khác (Nguyễn Gia Đối, Lê Hải Đăng, 2007a; Lê Hải Đăng, 2013).

1.4. Các di tích công xưởng ở Lâm Đồng

- *Di tích Thôn Bốn* được phát hiện năm 2005 ở xã Gia Lâm (Lâm Hà); tọa độ

11°48'694" vĩ Bắc và 108°19'369" kinh Đông. Không kể hiện vật trong hố khai quật, ở di tích đã thu thập trên mặt được 1.984 di vật đá các loại (Lê Xuân Hưng, 2011a, tr.12-22). Thôn Bốn được khai quật năm 2006; hố được mở gần như ở trung tâm, hơi chệch về phía tây của gò. Diện tích hố là 52m² (8,0 x 6,5 m). Hiện vật thu được có 7.860 di vật đồ đá các loại, gồm: Những di vật có dấu vết chế tác hoặc sử dụng 251 di vật và nhóm phế liệu 7.609 mảnh tước. Trong nhóm di vật có 94 phác vật rìu (21 nguyên, 73 vỡ), 40 hạch đá, 9 rìu mài, 5 mảnh rìu; 10 bàn mài; 1 lưỡi cưa; 2 hòn ghè; 8 viên đá ghè tròn; 12 hòn nghiền, 24 công cụ mảnh tước, 4 phác vật vòng, 8 mảnh vòng, 2 viên đá in hình lá cây và 30 cục thổ hoàng. Đồ gốm có 127 mảnh, mật độ thấp (2,4 mảnh/1m²); phân bố rải rác ở các độ sâu khác nhau. Gốm ở đây là gốm thô, bở; đất sét pha nhiều cát và bả thực vật.

- *Di tích Hoàn Kiếm ở xã Nam Hà, huyện Lâm Hà; tọa độ 108°19'02" kinh Đông và 11°48'58" vĩ Bắc.* Di tích được phát hiện năm 2007, số hiện vật sưu tầm là 917 di vật các loại Tháng 3/2010, di tích được phúc tra và sưu tầm 406 di vật đá (Lê Xuân Hưng, 2011a). Đầu năm 2008, di tích được khai quật 2 hố, tổng diện tích là 31m² (Bùi Chí Hoàng, 2009): Hố khai quật 1 rộng 6m², tầng văn hóa mỏng, rất ít di vật khảo cổ. Tổng số đồ đá có 367 di vật, gồm: 7 phác vật rìu tứ giác; 7 phế vật rìu; 30 hạch đá; 53 đá nguyên liệu (41 đá opal, 12 đá khác) và 270 mảnh tước; không phát hiện gốm tiền sử.

Hố khai quật 2 có diện tích là 25m², trong hố 2 thu được 9.906 đồ đá các loại, với hai nhóm dưới đây, không phát hiện gốm tiền sử. Nhóm di vật có vết chế tác hoặc sử dụng có 131 di vật, gồm: 45 phác vật công cụ, 86 phế vật công cụ; trong đó gồm các loại hình phác vật rìu bốn tứ giác, di vật chưa định hình, nhóm phác vật dạng hình dao hái. Nhóm phế liệu có 9.775 di vật, gồm: 1.557 hạch đá và 739 đá nguyên liệu; 7.160 mảnh tước, phiến tước, 319 đá khác. Về chất liệu có 9.456 là đá

opal, còn lại 319 mảnh là các chất liệu khác. Về loại hình, đáng chú ý ở đây có một số mảnh tước dạng hình học, có dấu tu chỉnh: 22 mảnh tước hình tam giác, có một đầu nhọn; 16 mảnh hình tứ giác; 7 mảnh hình đa giác có một rìa cạnh tu chỉnh; 14 phiến tước hình chữ nhật và 9 phiến tước dạng lá.

- *Di tích Phúc Hưng ở thôn Phúc Hưng, xã Tân Hà (Lâm Hà); tọa độ 11°44'14,5" vĩ Bắc, 108°13'30" kinh Đông, được phát hiện năm 2009.* Tháng 12/2009, di tích được đào 4 hố thám sát có tổng diện tích 11m² (Bùi Chí Hoàng và nnk, 2010). Trong 4 hố thám sát thì hố 1 và 2 mảnh tước ken dày, ít hạch đá và đá nguyên liệu minh chứng cho hoạt động sơ chế và hoàn thiện hiện phác vật. Hố thám sát 3 chỉ tìm thấy ít đá nguyên liệu, hoạt động công xưởng rời rạc. Hố thám sát 4 thu được nhiều phác vật hoàn thiện; mảnh tước thường nhỏ, dạng vảy tước điều ấy cho thấy đây là nơi ghè tu chỉnh trước khi xuất xưởng để hoàn thiện sản phẩm.

Năm 2010, Phúc Hưng được phúc tra và thu thập 6 phác vật công cụ, 9 hạch đá, 19 mảnh đá nguyên liệu và 255 mảnh tước (Lê Xuân Hưng, 2011a). Năm 2012, khảo sát bề mặt đã thu được 601 đồ đá các loại. Cũng trong đợt phúc tra này đã đào 3 hố thám sát có tổng diện tích 6m², mỗi hố 2m² (1 x 2m); tổng số hiện vật đá thu được là 16.874 tiêu bản (Lê Xuân Hưng, 2016).

Di tích công xưởng Phúc Hưng được khai quật tháng 12/2009 (Bùi Chí Hoàng & cs, 2010). Trong đợt khai quật này, đoàn đã đào hai hố: Hố 1 có diện tích 12m² (4 x 3m), bề mặt hố nghiêng nhẹ khoảng 15°; Hố 2 mở cách hố 1 khoảng 15m về phía bắc; mặt bằng khu vực mở hố nghiêng nhẹ theo chiều từ tây nam sang đông bắc; diện tích 9m² (3 x 3m). Tổng số hiện vật thu được trong hai hố khai quật là 22.886 di vật đá, gồm: 134 phác vật (23 phác vật rìu tứ giác, 83 phế vật rìu, 4 phác vật không rõ hình, 11 phế vật công cụ, 13 công cụ mảnh); 22.752 mảnh tước, hạch đá và đá nguyên liệu, hòn ghè. Phác vật công cụ

hoàn thiện ở di tích Phúc Hưng thường có kích thước nhỏ.

2. Các di tích công xưởng ở Tây Nguyên trong bối cảnh công xưởng chế tác đá ở Nam Bộ

2.1. Những nghiên cứu về tiền sử Nam bộ đến nay cho biết các di tích tập trung chủ yếu ở miền Đông Nam Bộ, nơi giáp với các tỉnh Nam Tây Nguyên. Nhìn chung, Đông Nam Bộ và nam Tây Nguyên là 2 vùng địa lý nhân văn khác nhau, thậm chí gần như đối lập nhau. Nhưng, vì vị trí địa lý liền kề, diện tiếp xúc rộng, có hệ thống sông suối tương đối dày đặc như: Sông Đồng Nai, sông La Ngà, sông Bé và sông Sài Gòn nên trong tiền sử giữa Đông Nam Bộ và nam Tây Nguyên có quan hệ văn hoá tương đối rõ nét.

- Với vùng đất Tây Nguyên, ngay từ giai đoạn Đá mới hậu kỳ đã hình thành các văn hoá khảo cổ, các nhóm văn hoá có đặc trưng riêng. Điều đó đã cho thấy tính đa tộc người xuất hiện sớm ở Tây Nguyên. Trong khi đó, Đông Nam Bộ giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí lại phát triển theo một khuynh hướng khác. Đó là sự xuất hiện các nhóm cư dân chiếm cư các địa hình khác nhau, tạo dựng sắc thái văn hoá riêng, phát triển nối tiếp nhau trở thành truyền thống mà các nhà khảo cổ học thường gọi là *phức hệ văn hoá Đồng Nai*. Mặc dù, khuynh hướng và con đường phát triển văn hoá Tiền sử ở mỗi khu vực là không giống nhau; nhưng vẫn có thể nhìn thấy những yếu tố văn hoá tương đồng, nó như những nhịp cầu văn hoá nối Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ trong giai đoạn tiền sử.

- Trong phức hệ văn hoá Đồng Nai các nhà khảo cổ học đã phát hiện và nghiên cứu nhiều loại hình di tích như: Loại hình cư trú, công xưởng chế tác công cụ đá, công xưởng chế tác đồ trang sức, đồ gốm,... trên nhiều

dạng địa hình khác nhau (Lê Xuân Diễm & cs, 1991). Đặc biệt, trong những năm gần đây các nhà chuyên môn đã phát hiện, thám sát và nghiên cứu có hệ thống nhóm di tích công xưởng chế tác công cụ đá trên địa bàn huyện Tân Uyên và Phú Giáo tỉnh Bình Dương, gồm: Di tích công xưởng Hàng Ông Đại, Hàng Ông Đụng; Hàng Tam Đẳng (Nguyễn Khánh Trung Kiên & cs, 2012). Trong đó di tích công xưởng Hàng Ông Đại đã được khai quật năm 2008 (Nguyễn Khánh Trung Kiên & cs, 2009) và di tích Hàng Ông Đụng năm 2010 (Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2011). Đây là nhóm các di tích đóng vai trò hết sức quan trọng trong dòng chảy của phức hệ văn hóa Đồng Nai.

2.2. Đặc trưng phân bố của nhóm di tích công xưởng này là ven bờ sông Bé, trên các ngọn đồi thấp thuận lợi cho việc khai thác nguyên liệu ở các bãi bồi ven sông; những bãi bồi này có rất nhiều các khối đá nguyên liệu lớn nhỏ khác nhau có dấu vết ghè tách và định hình phác vật trước khi đưa về địa điểm khác để chế tác và hoàn thiện sản phẩm; mà những nơi ấy có thể là ở các di tích Hàng Ông Đụng và Hàng Ông Đại và Hàng Tam Đẳng (Nguyễn Khánh Trung Kiên & cs, 2012, tr.90). Đặc trưng phân bố và quy trình chế tác công cụ đá ở đây rất giống với các di tích công xưởng ở Tây Nguyên.

Kết quả điều tra, thám sát và khai quật các di tích công xưởng ở đây cho thấy, tầng văn hoá dày trung bình 30-35 cm, trong tầng văn hoá ken dày hiện vật khảo cổ. Hiện vật thu được rất nhiều phác vật, phế vật công cụ, công cụ hoàn thiện; những dụng cụ sản xuất như bàn mài, hòn ghè, hòn kê; mảnh tước với nhiều kích cỡ khác nhau, đá nguyên liệu có dấu vết ghè đẽo nó phản ánh đây là những công xưởng chế tác công cụ đá có quy mô rất lớn nếu không muốn nói là

lớn nhất Đông Nam Bộ. Những chế phẩm trong các công xưởng không chỉ phục vụ cho cộng đồng mà ắt hẳn nó còn được mang đi giao lưu với các cộng đồng ngoài công xưởng. Những người khai quật cho rằng, công xưởng chế tác công cụ đá ở đây trải qua nhiều cung đoạn của quy trình chế tác công cụ; một số hiện vật đã được mài gần như hoàn thiện. Đồ gốm được phát hiện trong các hố nhưng không nhiều, gốm mảnh thường là những mảnh vỡ ra từ những đồ gia dụng mà cư dân tiền sử mang tới phục vụ cho nhu cầu ở công xưởng (Nguyễn Khánh Trung Kiên & cs, 2012, tr.90). Nhóm di tích ở đây yếu tố công xưởng đậm nét, yếu tố cư trú mờ nhạt và tạm thời.

Nghiên cứu và so sánh loại hình học các nhà khai quật chỉ ra rằng, nhóm loại hình hiện vật đá, gốm ở các công xưởng có nhiều điểm tương đồng với các công cụ hiện biết trong các di chỉ cư trú trên phạm vi rộng hơn, như: Cù Lao Rùa, Suối Linh, Mỹ Lộc, Bình Đa,... thuộc một hay nhiều cộng đồng cư dân cổ có quan hệ mật thiết với nhau đã từng sinh sống mà những di tồn còn lại là ở các công xưởng chế tác công cụ đá; niên đại đoán định là khoảng 3.000-3.500 năm BP. Cũng từ đó đã có những nhận thức về sự lan tỏa sản phẩm có chung một truyền thống Đông Nam Bộ nếu không muốn nói là có chung một nguồn gốc (Nguyễn Khánh Trung Kiên & cs, 2012, tr.90-91).

- Hiện vật thu được trong các công xưởng phong phú với nhiều loại hình khác nhau như: Rìu tứ giác, rìu có vai, đục, cuốc, dao,... đây cũng là những di vật rất phổ biến, tiêu biểu trong các di tích tiền sử ở Đông Nam Bộ. Thông qua tư liệu của các công xưởng, nghiên cứu này chúng tôi chỉ đưa ra một vài điểm so sánh về những nét tương đồng và khác biệt trong các công xưởng nói riêng, tiền sử nói chung ở hai khu vực.

2.3. Sự đối lập rõ nhất giữa Tây Nguyên và Đông Nam Bộ là ở nguyên liệu chế tác rìu và bôn đá mài toàn thân. Ở Đông Nam Bộ công cụ lao động chủ yếu được làm từ đá basalte, còn ở Tây Nguyên nguyên liệu phong phú hơn, ngoài đá silic, opal, phtanite, basalte còn cả gỗ hoá thạch. Về loại hình, cả hai nơi đều có mặt các loại cuốc đá, rìu và bôn có vai, rìu và bôn không có vai, đục, bàn mài, song mỗi loại hình ấy có những nét khác biệt và một vài yếu tố giống nhau. Đây là những loại hình công cụ lao động phổ biến ở Tây Nguyên cũng như Đông Nam Bộ.

- Loại hình di vật dao đá (lưỡi hái) thường có dạng hình bán nguyệt, một cạnh thẳng là phần sống của dao. Hai đầu dao được chế tác cong nhọn, trong đó một đầu thường dày hơn đầu còn lại vì là đốc ghè của một phiến tước dài; dao thường hơi vắn xoắn; rìa lưỡi thường mỏng và sắc bén vốn đặc trưng cho miền Đông Nam Bộ hoàn toàn vắng mặt ở Tây Nguyên.

- Đục đá ở miền Đông Nam Bộ nhiều về số lượng, phong phú về loại hình. Trong khi đó, ở Bắc Tây Nguyên loại di vật này rất hiếm; trên đất Tây Nguyên đục chỉ có loại lưỡi hẹp, đôi khi gần nhọn ở di chỉ Dhap Rông (TP. Buôn Ma Thuột).

- Cuốc đá có mặt ở 2 nơi, song vẫn có điểm khác nhau. Cuốc đá ở miền Đông Nam Bộ xuất hiện nhiều trong các di tích, loại hình chủ yếu là cuốc vai vuông, chuôi tra cán ngắn, lưỡi rộng hơn vai, thân hơi cong. Ở Tây Nguyên, cuốc đá nhiều về số lượng, phong phú về loại hình: Cuốc chim, cuốc hình mai mực, cuốc hình chữ "U", cuốc hình răng trâu, cuốc vai vuông, cuốc vai nhọn; cuốc thân hình thang không có vai... Loại cuốc có vai kiểu miền Đông Nam Bộ khá gần gũi với cuốc đá trong văn hoá Buôn Triết (Đắk Lắk) và trong sưu tập cuốc đá ở Bảo

tàng Lâm Đồng (Lê Xuân Hưng, 2011). Còn các loại cuốc hình mai mực, hình răng trâu và cuốc chim hiện vắng mặt ở miền Đông Nam Bộ.

- Ở miền Đông Nam Bộ, tỷ lệ rìu và bôn có vai thường cao hơn loại không có vai. Trên đất Tây Nguyên tỷ lệ giữa 2 loại công cụ đó còn tùy thuộc vào mỗi văn hoá hay mỗi nhóm di tích. Trong văn hoá Biển Hồ và văn hoá Lung Leng, rìu và bôn có vai chiếm tuyệt đối; còn trong văn hoá Buôn Triết và các nhóm di tích công xưởng ở Lâm Hà, rìu và bôn không có vai chiếm tuyệt đối; các chế phẩm này được làm từ đá opal, lưỡi hơi xoè, chuôi thuôn nhỏ, thân dày, mặt cắt ngang thân hình thang hay nhóm di vật cùng loại, chế tác từ đá silic, opal, basalt trong sưu tập rìu đá ở Toà Giám mục thừa sai Đà Lạt, Bảo tàng Lâm Đồng chưa thấy ở miền Đông Nam Bộ (Lê Xuân Hưng, 2011; Nguyễn Khắc Sử, 2002, tr.7-17). Tuy nhiên, loại rìu gần hình tam giác, lưỡi xoè rộng, chuôi thu nhỏ, mặt cắt ngang hình chữ nhật, làm từ đá basalt, còn vết ghè trên thân tìm thấy ở Lâm Đồng, Buôn Ma Thuột và Đắk Nông khá gần với công cụ cùng loại ở các di tích Cầu Sắt, Suối Linh (Đồng Nai); nhóm hiện vật cùng loại ở Bình Tân (Bình Phước). Đây là điểm gần nhau giữa Nam Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ và cũng là điểm khác giữa miền Đông Nam Bộ với Bắc Tây Nguyên. Ngoài ra, bốn hình răng trâu và những viên đá gia trọng phổ biến ở Bắc Tây Nguyên hầu như vắng mặt ở miền Đông Nam Bộ.

Nghiên cứu nhóm đồ gốm ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, ngoài những yếu tố khác nhau thì vẫn nhận thấy chúng có một số mối liên hệ nào đó. Trước hết, về hoa văn, đồ gốm miền Đông Nam Bộ và Nam Tây Nguyên về cơ bản là giống nhau, cùng tồn tại văn thừng, văn chải, văn in chấm, văn

khắc vạch. Nhưng về mô típ trang trí giữa hai nơi có điểm khác nhau. Văn thừng, văn chải xuất hiện khá sớm ở Tây Nguyên, giai đoạn muộn ít dần. Ngược lại, ở miền Đông Nam Bộ loại văn này tồn tại chủ yếu ở giai đoạn Kim khí phát.

Tóm lại, trong bài nghiên cứu này chúng tôi trình bày một số kết quả nghiên cứu về các di tích công xưởng chế tác công cụ đá ở Tây Nguyên. Những nghiên cứu đã xác nhận vào giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí trên địa bàn Tây Nguyên đã hình thành các trung tâm chế tạo rìu đá với đặc thù riêng. Trong các công xưởng hoạt động chế tác đã đạt tới trình độ cao với sự ra đời của những kỹ thuật: ghè đẽo, mài, cưa, khoan và đánh bóng. Những hoạt động này được thực hiện ở các công xưởng chế tác rìu đá có mức độ chuyên hóa khác nhau. Giữa các công xưởng và ngoài công xưởng có mối giao lưu văn hóa ngày một mạnh. Hiện tượng chuyên hóa các sản phẩm và sự thích ứng của nó cho mỗi vùng cho thấy sự phân công lao động trong mỗi trung tâm, và mối liên hệ nhất định giữa các trung tâm với nhau.

Khi xem xét mối quan hệ văn hoá giữa các di tích hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Tây Nguyên với một số di tích ở ven biển Trung Bộ, vùng Đông Nam Bộ và các nơi khác, chúng tôi cho rằng, để hình thành nên đặc trưng văn hoá của mình, ngoài điều kiện tự nhiên và sự phát triển tự thân, cư dân tiền sử Tây Nguyên còn có quan hệ rộng với cư dân đương thời ở các khu vực nói trên. Trong quá trình phát triển văn hoá cư dân tiền sử Tây Nguyên không chỉ có quan hệ mật thiết với cư dân ven biển Trung Bộ (Lê Xuân Hưng, Phan Thanh Toàn, 2013, tr.48-56) và Đông Nam Bộ (Nguyễn Khắc Sử, 2002, tr.7-17) mà còn có mối giao lưu nhất định với một số cư dân cùng thời ở Bắc Việt Nam, Lào, Campuchia và rộng hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Bảo, Lê Xuân Hưng. (2006). *Báo cáo kết quả khai quật di chỉ - xưởng Thôn Bốn (Gia Lâm, Lâm Hà, Lâm Đồng)*. Tư liệu Khoa Sử, Trường Đại học Đà Lạt.
2. Lê Xuân Diễm &cs. (1991). *Khảo cổ học Đồng Nai*. Đồng Nai: Nhà xuất bản Đồng Nai.
3. Lê Hải Đăng. (2013). *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật lần thứ hai di chỉ Thôn Tám, năm 2013*. Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
4. Nguyễn Gia Đối, Phan Thanh Toàn. (2004). Phát hiện mới di tích khảo cổ ở huyện Chư Sê và Chư Prông (Gia Lai). *NPHM...2003*. Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH, tr.109-110.
5. Nguyễn Gia Đối, Lê Hải Đăng. (2007a). *Báo cáo khai quật di chỉ Thôn Tám xã Đăk Wil, huyện Chư Jút, (Đăk Nông)*. Tư liệu Viện KCH, Hà Nội.
6. Nguyễn Gia Đối, Lê Hải Đăng. (2007b). Di chỉ xưởng Chư K'tu và hệ thống công xưởng chế tác đá opal ở Tây Nguyên. *Tạp chí Khảo cổ học*, 1, tr.15-25.
7. Nguyễn Giác. (2007). Những phát hiện mới về khảo cổ học ở Ia Mơr (Gia Lai) năm 2005. *NPHM...2005*. Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH, tr.123-124.
8. Bùi Chí Hoàng. (2009). *Khai quật di tích khảo cổ học Hoàn Kiếm (xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng)*. Tư liệu Bảo tàng tỉnh Lâm Đồng.
9. Bùi Chí Hoàng và nnk. (2010). *Khai quật công xưởng chế tác đá thời tiền sử Phúc Hưng (thôn Phúc Hưng, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng)*. Tư liệu Bảo tàng Lâm Đồng.
10. Lê Xuân Hưng. (2011). Các di tích công xưởng ở Lâm Đồng: Tư liệu và nhận thức. *Tạp chí Khảo cổ học*, 6, tr.12-22.
11. Lê Xuân Hưng, Phan Thanh Toàn. (2013). Khảo cổ học lòng hồ Plêi Krông trong bối cảnh tiền sử Duyên hải Nam Trung Bộ. *Tạp chí KHXH miền Trung*, 6, tr.48-56.
12. Nguyễn Khánh Trung Kiên & cs. (2009). Phát hiện và khai quật di tích Hàn Ông Đại (Tân Uyên - Bình Dương). *NPHM...2008*. Hà Nội: Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, tr.176-179.
13. Nguyễn Khánh Trung Kiên. (2011). Khai quật công xưởng chế tác đá Hàng Ông Đụng (Bình Dương). *NPHM...2010*. Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH, tr.190-191.
14. Nguyễn Khánh Trung Kiên & cs. (2012). Các phát hiện gần đây về loại hình công xưởng chế tác đá thời tiền sử trên địa bàn tỉnh Bình Dương. *NPHM...2011*. Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH, tr.89-91.
15. Bùi Văn Liêm &cs. (1995). Điều tra khảo cổ học huyện Chư Prông (Gia Lai). *NPHM...1994*. Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH, tr.72-73.
16. Bùi Văn Liêm & cs. (2002). Điều tra khảo cổ học ở Chư Prông (Gia Lai). *NPHM...2001*. Hà Nội: Nhà xuất bản KHXH, tr.134-136.
17. Bùi Văn Liêm. (2004). Kết quả khai quật di chỉ Thôn Bảy (Gia Lai). *Tạp chí Khảo cổ học*, 3, tr.35-57.
18. Bùi Văn Liêm & cs. (2004). *Khai quật di chỉ Làng Ngol - Gia Lai*. Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
19. Nguyễn Khắc Sử, Phan Thanh Toàn. (2007). Khai quật di chỉ xưởng Taipêr (Gia Lai), tư liệu, nhận thức và thảo luận. *Tạp chí Khảo cổ học*, 5, tr.18-30.
20. Nguyễn Khắc Sử & cs. (2008). *Báo cáo khai quật di chỉ Ia Mơr, xã Ia Mơr, huyện Chư Prông (Gia Lai)*. Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
21. Nguyễn Mạnh Thắng & cs. (2015). *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật khảo cổ học di tích Buôn Kiêu (xã Yang Mao, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk)*. Tư liệu Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Hà Nội.